

Số: /BC-THCSHD

Thanh Khê, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường : Trường THCS Hoàng Diệu

2. Địa điểm trụ sở chính: 162 Trần Cao Vân, thuộc tổ 57 phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại: 02363744867

- Địa chỉ trang tin điện tử: <https://hoangdieudanang.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục :

- Trường trung học cơ sở Hoàng Diệu là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

a) Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập năng động, sáng tạo, thân thiện, tích cực, kỷ cương, chất lượng cao để học sinh có điều kiện phát triển phẩm chất và năng lực. Giáo dục cho các thế hệ học sinh biết vượt qua mọi khó khăn, phát triển khả năng để trở thành công dân có ích cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) Tầm nhìn

- Tập trung thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đánh giá kết quả thực hiện chương trình, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần yêu nước, có trình độ đào tạo và năng lực sư phạm vững chắc, có lương tâm nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức, có ý thức phấn đấu, có tinh thần vượt khó.

- Xây dựng cơ sở vật chất nhà trường đầy đủ, khang trang và không ngừng được đổi mới, kiên toàn.

- Đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, xây dựng thương hiệu nhà trường bằng CSVC, chất lượng đào tạo và đầu tư cho việc xây dựng mô hình hay, đặc thù của nhà trường.

c) Mục tiêu

* **Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2029, trường THCS Hoàng Diệu là một trong những ngôi trường có quang cảnh sư phạm và cơ sở vật chất tốt, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia cấp độ 1.

Xây dựng thương hiệu nhà trường bằng những chiến lược phát triển nhà trường đặc trưng, riêng biệt.

Tạo dựng được môi trường học tập sáng tạo, có nền nếp, kỷ cương, chất lượng, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết khả năng. Xây dựng nét Đẹp văn hóa phù hợp với đặc thù của địa phương.

Xây dựng một môi trường làm việc tốt cho đội ngũ mà ở đó, mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều yên tâm phát triển nghề nghiệp với môi trường làm việc sáng tạo, thân thiện.

*** Các vấn đề ưu tiên**

- Đầu tư cơ sở vật chất, tham mưu cấp trên xây mới dãy phòng học đã qua 20 năm sử dụng và xuống cấp nghiêm trọng theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020. Mở rộng khuôn viên trường, tận dụng tất cả không gian và thu xếp để có chỗ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng trong năm 2024. Hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài trong năm 2025.

- Trang bị trang thiết bị cho các Phòng học bộ môn(PHBM) theo đạt chuẩn theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 và phấn đấu để các PHBM được công nhận đạt chuẩn trong năm 2025.

- Xây dựng thư viện đạt chuẩn mức độ 2 theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022.

- Bồi dưỡng đội ngũ, đảm bảo giáo viên được bồi dưỡng các phân môn bổ sung để thực hiện chương trình GDPT 2018 (Bộ môn KHTN, Lịch sử địa lí, Giáo dục địa phương và HĐTNHN)

- Nghiên cứu và tìm giải pháp cho công tác dạy ngoại ngữ 2 của chương trình GDPT 2018.

- Đẩy mạnh chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn, nâng cao chất lượng tuyển sinh vào lớp 10 hằng năm của học sinh khối 9.

- Đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường. Xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực bên ngoài cho công tác phát triển nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Hoàng Diệu nguyên là trường “Sơ cấp hỏa xa” được hình thành năm 1954 gồm có 3 lớp: năm, tư, ba dạy con em công nhân hỏa xa. Đến năm 1958 tên trường được đổi là Trường Tiểu học Đào Duy Từ các lớp học dần dần được phát triển ngày một đông thêm và hoạt động đến năm 1975.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, trường Tiểu học Đào Duy Từ được đổi thành trường phổ thông cấp I,II số 1 Tam Thuận. Năm học 1976 - 1977 trường đổi tên trường cấp 1, 2 Hoàng Diệu quy mô trường, lớp lúc này lớn hẳn. Đến năm học 1977-1978 được đổi tên thành trường Phổ thông cấp I, II Hoàng Diệu, đến năm học 1979-1980 tên trường là trường phổ thông cơ sở Hoàng Diệu. Từ năm học 1983- 1984 theo quyết định số 465/QĐ-UB ngày 16/6/1983 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, trường Phổ thông cơ sở Hoàng Diệu đã được tách thành 2 trường, đó là trường PTCS Đinh Bộ Lĩnh và trường PTCS Hoàng Diệu. Đến năm học 1992-1993 cấp I được tách và ghép vào trường Đinh Bộ Lĩnh, trường Hoàng Diệu chỉ có cấp II và đổi thành trường THCS Hoàng Diệu.

Từ đó đến nay, trường đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển văn hóa giáo dục, xã hội của địa phương. Ngày nay, trường đã khẳng định được vai trò, vị trí của mình trong sự nghiệp giáo dục của quận Thanh Khê. Một điều đáng trân trọng, phần thưởng thật vô giá là trường Hoàng Diệu đã tạo được sự tin yêu, niềm hy vọng của phụ huynh, của nhân dân địa phương, của chính quyền sở tại.

Để duy trì và phát triển nhà trường đi lên bền vững, trường THCS Hoàng Diệu xây dựng “Chiến lược phát triển giáo dục trường THCS Hoàng Diệu giai đoạn 2024 đến 2029 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của lãnh đạo nhà trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh của trường. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược của trường THCS Hoàng Diệu là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Góp phần đưa sự nghiệp giáo dục địa phương phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước khu vực và thế giới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật :

- Họ và tên : Nguyễn Thị Hữu Ánh – Hiệu trưởng

- Địa chỉ làm việc : 162 Trần Cao Vân – Phường Tam Thuận- Quận Thanh Khê – TP Đà Nẵng.

- Số điện thoại liên hệ : 0914 430 017

- Email : huanh121@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy :

Đính kèm các quyết định :

- Quyết định thành lập trường

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên

- Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Sơ đồ tổ chức bộ máy
- Chiến lược phát triển nhà trường
- Quy chế dân chủ cơ sở
- Quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản
- Kế hoạch phát triển đội ngũ

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 53 người. Trong đó:

+ Ban Giám hiệu: 02 người (01 nữ, 01 nam) Hiệu trưởng đã qua lớp Cử nhân QLGD và trung cấp chính trị, Phó hiệu trưởng đã được bồi dưỡng lớp quản lý và trung cấp lý luận chính trị.

+ Giáo viên 44, nữ 38. Trong đó: Thạc sĩ: 05, Đại học: 39.

+ Nhân viên: 07/ 05 nữ; Trong đó: Đại học: 02; Trung cấp: 02 và 02 bảo vệ đã qua lớp bồi dưỡng công tác bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ.

+ Trường có 01 chi bộ độc lập với 22 Đảng viên; Số đối tượng Đảng là 03.

+ Độ tuổi của CBGVNV: từ dưới 31: 05, từ 31-35: 08; từ 36-40: 11; Từ 41-45: 08; từ 46-50: 10; từ 51-55: 06; từ 56-60: 03. (gồm 44 giáo viên và 02 CBQL)

Đa số giáo viên đang ở trong độ tuổi chín chắn về tuổi nghề, có năng lực chuyên môn, có tâm với nghề và có trình độ đào tạo đạt chuẩn 100%.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp (năm 2023-2024)			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	51		5	44	2								
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	45		5	40				45	100%	43	1		
1	Toán	8		2	6						8			
2	Vật lý	3			3						3			
3	Hóa học	3		1	2						3			
4	Sinh học	3			3						3			
5	Tin học	1			1						1			
6	Ngữ văn	8		1	7						7	1		
7	Lịch sử	2			2						2			
8	Địa lý	3			3						3			
9	NN	6		1	5						6			
10	CN	0									0			
11	Âm nhạc	3			3						3			
12	Mĩ thuật	2			2						2			
13	GDTC	3			3						3			

II	Cán bộ quản lý	2			2					2		
1	Hiệu trưởng	1			1			1		1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1			1		1		
III	Nhân viên	4			2	2		4		4		
1	Văn thư	1			1			1		1		
2	Kế toán	1			1			1		1		
3	Thủ quỹ											
4	Nhân viên y tế	1				1		1		1		
5	Thư viện	1				1		1		1		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khuôn viên mặt đất toàn trường là 2413,7m², diện tích sàn đang hiện có là khoảng 2.354m², diện tích trung bình mỗi học sinh là 5,37m²/học sinh; diện tích sân chơi bằng khoảng 21% tổng diện tích sử dụng của trường

2. So sánh với quy định của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về cơ sở vật chất tối thiểu trường THCS như sau :

ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ HIỆN TRẠNG TẠI TRƯỜNG THCS HOÀNG DIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Hiện trạng nhà trường	Chú thích
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	1,50m ² /học sinh	1,50m ² /học sinh	1,35m²/học sinh	
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	2,25m ² /học sinh	2,25m ² /học sinh	Không có	
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	2,25m ² /học sinh	2,25m ² /học sinh	Không có	
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	2,25m ² /học sinh	2,25m ² /học sinh	1,87m²/học sinh	
1.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên 1,2	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh	1,85m²/học sinh	

1.6	Phòng học bộ môn Tin học	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh	Không có	
1.7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh	1,85m²/học sinh	
1.8	Phòng đa chức năng	1,85m ² /học sinh	1,85m ² /học sinh	Không có	
1.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	-	1,50m ² /học sinh	Không có	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	0,12m²/1 học sinh	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng	48m ² /phòng	Không có	
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng	24m ² /phòng	Đang sử dụng 1 phòng học	
2.4	Phòng Đoàn, Đội	0,03m ² /học sinh	0,03m ² /học sinh	Đang sử dụng 01 phòng học	
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	48m ² /phòng	48m²/phòng	
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	1,20m ² /người	1,9m²/người	
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	30m ² /phòng	30m ² /phòng	Không có	
3.3	Phòng y tế trường học	24m ² /phòng	24m ² /phòng	Đang sử dụng phòng học	
3.4	Nhà kho	48m ² /kho	48m ² /kho	25m²/kho	
3.5	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp; 2,50m ² /xe máy	0,90m ² /xe đạp; 2,50m ² /xe máy	Không có	
3.6	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh	0,06m ² /học sinh	0,07m²/học sinh	

3.7	Phòng nghỉ giáo viên	-	12m ² /phòng	Hiện đang sử dụng phòng học	
3.8	Phòng giáo viên	-	-	Không có	
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh	1,50m ² /học sinh	1,09m²/học sinh	
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh	0,35m ² /học sinh	Không có	
4.3	Nhà đa năng	-	-	Không có	
5	Khối phục vụ sinh hoạt				
5.1	Nhà bếp	0,30m ² /học sinh	0,30m ² /học sinh		
5.2	Kho bếp	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực		
5.3	Nhà ăn	0,75m ² /chỗ	0,75m ² /chỗ		
5.4	Nhà ở nội trú	4m ² /chỗ	4m ² /chỗ		
5.5	Phòng quản lý học sinh	9m ² /phòng	9m ² /phòng		
5.6	Phòng sinh hoạt chung	0,20m ² /học sinh	0,20m ² /học sinh		
5.7	Nhà văn hóa	-	0,80m ² /học sinh		

3. Thiết bị dạy học

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	Hiện đang sử dụng ĐD DH cũ, chờ cấp mới	
1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	2	

2.2	Khối lớp 7	2	
2.3	Khối lớp 8	2	
2.4	Khối lớp 9	2	
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập(Đơn vị tính: bộ)	45	
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	18	
5	Thiết bị tương tác thông minh Pointer	18	
6	Máy chiếu đa vật thể	2	
7	Thiết bị khác...		

IV	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	18	
5	Thiết bị tương tác thông minh Pointer	18	
6	Máy chiếu đa vật thể	2	
7	Thiết bị khác...		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

- Nhà trường đã ban hành quyết định số 175/QĐ-THCSHD ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc thành lập đội đồng tự đánh giá.
- Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã thực hiện các quy trình tự đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018
- Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã thực hiện toàn bộ quy trình tự đánh giá và hoàn tất vào cuối tháng 5/2024. Do hạn chế về CSVC, nhà trường tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng mức độ 1.
- Nhà trường đã hoàn thành hồ sơ và đề nghị Sở giáo dục thực hiện Đánh giá ngoài nhà trường trong năm học 2024-2025.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đính kèm

3. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

- Nhà trường đã đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2017, từ năm học 2017 đến nay, hằng năm nhà trường đều thực hiện cải tiến chất lượng. Hiện nhà trường đã hoàn tất hồ sơ tự đánh giá và đoàn đánh giá ngoài của SGD sẽ thực hiện đánh

giá ngoài nhà trường trong tháng 10 năm 2024.

(Đính kèm báo cáo công tác cải tiến chất lượng năm học 2023-2024)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học đã công khai

1.1. Kế hoạch tuyển sinh

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh của nhà trường

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024:

- Kết quả tuyển sinh: 242 học sinh

- Tổng số học sinh theo khối:

+ Khối 6: 242 (Tỉ lệ: 40 học sinh/ lớp)

+ Khối 7: 214 (Tỉ lệ: 36 học sinh/ lớp)

+ Khối 8: 158 (Tỉ lệ: 40 học sinh/ lớp)

+ Khối 9: 204 (Tỉ lệ: 34 học sinh/ lớp)

+ Tổng số học sinh 818/380

- Số học sinh học 2 buổi/ ngày: 0

- Số học sinh nam/nữ: 438/380

- Học sinh là người dân tộc thiểu số: 0

- Học sinh khuyết tật: 18

- Số học sinh chuyển trường:

- Số học sinh chuyển đến: 14

- Kết quả đánh giá học sinh 2023-2024:

STT	Tên lớp	Thông tư 22																				
		Tổng số HS ĐG	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								Danh hiệu			
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
2	TỔNG KHỐI 6	242	84	34,71	101	41,74	55	22,73	2	0,83	222	91,74	18	7,44	2	0,83			23	9,5	61	25,21
3	6/1	41	10	24,39	22	53,66	8	19,51	1	2,44	36	87,8	4	9,76	1	2,44			1	2,44	9	21,95
4	6/2	40	8	20	19	47,5	13	32,5			37	92,5	3	7,5					1	2,5	7	17,5
5	6/3	40	7	17,5	22	55	11	27,5			38	95	2	5					1	2,5	6	15
6	6/4	42	35	83,33	6	14,29	1	2,38			42	100							16	38,1	19	45,24
7	6/5	39	14	35,9	16	41,03	8	20,51	1	2,56	37	94,87	2	5,13					2	5,13	12	30,77
8	6/6	40	10	25	16	40	14	35			32	80	7	17,5	1	2,5			2	5	8	20

9	TỔNG KHỐI 7	214	74	34,58	70	32,71	67	31,31	3	1,4	184	85,98	30	14,02					17	7,94	57	26,64
10	7/1	35	9	25,71	7	20	19	54,29			28	80	7	20					1	2,86	8	22,86
11	7/2	36	7	19,44	12	33,33	15	41,67	2	5,56	31	86,11	5	13,89					2	5,56	5	13,89
12	7/3	33	3	9,09	20	60,61	10	30,3			27	81,82	6	18,18							3	9,09
13	7/4	40	33	82,5	7	17,5					40	100							13	32,5	20	50
14	7/5	35	12	34,29	13	37,14	10	28,57			30	85,71	5	14,29					1	2,86	11	31,43
15	7/6	35	10	28,57	11	31,43	13	37,14	1	2,86	28	80	7	20							10	28,57
16	TỔNG KHỐI 8	158	50	31,65	52	32,91	49	31,01	7	4,43	124	78,48	19	12,03	15	9,49			10	6,33	40	25,32
17	8/1	39	6	15,38	15	38,46	15	38,46	3	7,69	27	69,23	6	15,38	6	15,38					6	15,38
18	8/2	41	9	21,95	11	26,83	20	48,78	1	2,44	29	70,73	8	19,51	4	9,76			1	2,44	8	19,51
19	8/3	41	7	17,07	19	46,34	12	29,27	3	7,32	33	80,49	3	7,32	5	12,2			2	4,88	5	12,2
20	8/4	37	28	75,68	7	18,92	2	5,41			35	94,59	2	5,41					7	18,92	21	56,76

STT	Tên lớp	Thông tư 58																						
		Tổng số HS ĐG	Học lực								Hạnh kiểm								Danh hiệu					
			Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Tiên tiến	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
21	TỔNG KHỐI 9	204	67	32,84	68	33,33	69	33,82					187	91,67	17	8,33					67	32,84	68	33,33
22	9/1	32	10	31,25	14	43,75	8	25					27	84,38	5	15,63					10	31,25	14	43,75
23	9/2	34	8	23,53	7	20,59	19	55,88					29	85,29	5	14,71					8	23,53	7	20,59
24	9/3	35	27	77,14	8	22,86							35	100							27	77,14	8	22,86
25	9/4	33	9	27,27	12	36,36	12	36,36					30	90,91	3	9,09					9	27,27	12	36,36
26	9/5	33	5	15,15	14	42,42	14	42,42					31	93,94	2	6,06					5	15,15	14	42,42
27	9/6	37	8	21,62	13	35,14	16	43,24					35	94,59	2	5,41					8	21,62	13	35,14

- Số lượng học sinh lên lớp: 100%
- Số lượng học sinh không được lên lớp (Sau Thi lên lớp hoặc rèn luyện lại trọng hè): không
- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THCS: 204
- Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS: 204
- Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH CỦA TRƯỜNG THCS HOÀNG DIỆU (Từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCSHD ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Diệu)

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt

động như sau:

a) Các khoản thu, được cấp, năm trước mang sang:

- Số ngân sách nhà nước năm trước mang sang: 50.493.824 đ
- Số ngân sách nhà nước cấp: 9.323.934.000 đ
- Số dư các nguồn tài chính khác năm trước mang sang:
 - + Nguồn y tế: 2.629.097 đ
 - + Nguồn vệ sinh: 27.885.260 đ
 - + Nguồn học thêm: 0 đ
 - + Nguồn căn tin: 41.858.498 đ
 - + Nguồn lãi và phí kho bạc: 709.635 đ
- Số kinh phí cấp và thu các nguồn tài chính khác:
 - + Nguồn y tế: 25.740.359 đ
 - + Nguồn vệ sinh: 0 đ
 - + Nguồn học thêm: 90.600.000 đ
 - + Nguồn căn tin: 57.397.000 đ
 - + Nguồn lãi và phí kho bạc: 213.996 đ
 - + Hội trại: 98.000.000 đ

b) Các khoản chi

- Số chi ngân sách: 4.378.767.203 đ, trong đó:
 - + Chi thanh toán cho cá nhân: 4.085.648.218 đ
 - + Chi mua hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa: 291.824.985 đ
 - + Chi khác: 1.294.00 đ
- Số chi các nguồn khác:
 - + Nguồn y tế: 20.621.600 đ
 - + Nguồn vệ sinh: 27.811.935 đ
 - + Nguồn học thêm: 81.540.000 đ
 - + Nguồn căn tin: 36.675.627 đ
 - + Nguồn lãi và phí kho bạc: 199.600 đ
 - + Hội trại: 98.000.000 đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2023-2024 bao gồm:

- Học phí, lệ phí: Không
- Các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí:
 - * Vệ sinh: 60.000đ/ học sinh/năm học
 - Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển: Không

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn,

giảm học phí, học bổng đối với người học năm học 2023-2024.

- Hỗ trợ chi phí cho học sinh nghèo, học sinh khuyết tật: 41.700.000 đ
- Học bổng cho học sinh vừa nghèo vừa khuyết tật: 6.260.000 đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

a) Năm 2023:

- Số ngân sách nhà nước năm 2023 mang sang năm 2024: 50.493.824 đ
- Số dư các nguồn tài chính khác năm 2023 mang sang năm 2024:
 - + Nguồn y tế: 2.629.097 đ
 - + Nguồn vệ sinh: 27.885.260 đ
 - + Nguồn học thêm: 0 đ
 - + Nguồn căn tin: 41.858.498 đ
 - + Nguồn lãi và phí kho bạc: 709.635 đ

b) Năm 2024:

- Số tiền nguồn ngân sách: 4.995.660.621 đ
- Số tiền các nguồn khác:
 - + Nguồn y tế: 7.747.856 đ
 - + Nguồn vệ sinh: 73.325 đ
 - + Nguồn học thêm: 9.060.000 đ
 - + Nguồn căn tin: 62.579.871 đ
 - + Nguồn lãi và phí kho bạc: 724.031 đ
 - + Hội trại: 0 đ

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2023 – 2024 nhà trường đã thực hiện đảm bảo các chức năng nhiệm vụ được giao; thực hiện tuyển sinh đầu cấp đạt chỉ tiêu đăng ký; được quận công nhận hoàn thành điều tra PCGD đúng độ tuổi; đảm bảo chất lượng 02 mặt giáo dục; Đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong Hội nghị viên chức đầu năm học đề ra.

Nhiều năm liền trường đã có phong trào thi đua trong học sinh tốt, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học luôn được đầu tư, cảnh quang sư phạm ngày càng khang trang, môi trường sư phạm đảm bảo an toàn, an ninh trường học được đảm bảo.

1. Kết quả tham gia, tổ chức các kì thi, cuộc thi

a. Đối với CBGVNV

- Thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường kết quả đạt: 39/39 GV
- Thi GVCN giỏi cấp trường đạt: 14/15 GV

- Có 39 CBGVNV đăng ký và hoàn thành việc xây dựng đề cương Sáng kiến.

- Có 08 giáo viên hướng dẫn 08 dự án nghiên cứu KHKT dành cho HS trung học. Kết quả có 04 dự án đạt cấp trường được chọn thi cấp Quận đạt 04 giải (01 giải Nhất, 03 giải 3 và 02 giải KK).

- Có 01 giáo viên hướng dẫn 01 dự án thi KHKT cấp thành phố đạt 01 giải Tư.

- Tham gia Cuộc thi Video “*Tiết dạy sáng tạo*” của Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam năm học 2023-2024 đạt giải Nhì tập thể và Giải Nhì cá nhân (cô giáo Nguyễn Hồ Diễm My).

- CBGVNV tham gia đầy đủ các cuộc thi trực tuyến về Pháp luật, chỉ thị 34...

b. Đối với học sinh: Cấp trường, quận, thành phố

Tham gia cuộc thi: “ An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” đạt giải Khuyến khích.

*** Cấp Thành phố:**

- Văn hóa: 12 giải (02 giải Nhì, 01 giải Ba, 09 giải khuyến khích).

- TDTT: có học sinh tham gia vào các đội tuyển TDTT của quận đi thi đấu cấp thành phố đạt:

+ Giải cá nhân: 01 giải Nhất (HCV) môn Cầu lông, 01 giải Ba (HCD) môn Đá cầu.

+ Đồng đội: 01 giải Nhất môn Cờ vua Nam, 01 giải Nhất môn Đá cầu Nữ, 01 giải Nhì môn Đá cầu Nam, 01 giải Nhì môn Cầu lông Nam, 01 giải Ba môn Bóng rổ Nam.

- Tham gia cuộc thi vẽ trang trí bìa sách “Dáng hình lịch sử” đạt giải A cấp thành phố.

- Tham gia cuộc thi vẽ tranh “Theo bước chân những người anh hùng” đạt giải KK.

- Văn nghệ: 01 giải A cuộc thi văn nghệ “Mừng Đảng mừng Xuân”

- Thi KHKT đạt giải Tư.

- Tham gia cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc” cấp quận đạt 3 giải, cấp thành phố đạt 01 giải

- Đại diện đội thi KHKT cấp thành phố của quận Thanh Khê tham gia Tiết mục giới thiệu nội dung dự thi KHKT của quận đạt giải “Ấn tượng”.

- Tham gia làm video cuộc thi hùng biện qua mạng cấp Thành Phố: “Ứng phó với biến đổi khí hậu”.

- Tham gia làm video truyền truyền về phòng chống ma túy do Chi cục Phòng chống ma túy TP Đà Nẵng phát động.

*** Cấp Quận:**

- KHKT: 01 giải Nhất, 1 giải Ba, 02 giải KK
- Tin học: 1 giải nhì, 1 giải ba, 2KK
- Thi: Giao lưu học sinh giỏi lớp 8 đạt: 02 giải Nhì, 02 giải Ba, 03 giải Khuyến khích.

- TDTT: các môn đạt giải sau
 - + Giải cá nhân: 01 giải Nhất (môn Cầu lông), 02 giải Nhì (môn Cờ vua và Đá cầu), 05 giải Ba (02 môn Cầu lông, 02 môn Bơi lội, 01 môn Đá cầu)
 - + Đồng đội: 03 giải Nhì (01 môn Cờ vua, 01 môn Bơi lội, 01 môn Đá cầu), 02 giải Ba (01 môn Bóng rổ, 01 môn Đá cầu).

- Các giải khác:
 - + Tham gia thi vẽ tranh về Biển Đảo Quê hương đạt 1 giải nhì và 3 giải KK
 - + Tham gia cuộc thi vẽ tranh “Lễ hội Cầu Ngư”: đạt 01 giải Ba.
 - + Tham gia cuộc thi vẽ tranh “Nhân vật em yêu qua trang sách” đạt giải KK.

*** Cấp trường**

- Kết quả hội khỏe Phù Đổng cấp trường: Các em học sinh ở các lớp đã tham gia thi đấu ở 4 nội dung: Cầu lông, đá cầu, cờ vua, bóng bàn dành cho nam và nữ đạt được 16 giải nhất và 16 giải nhì.

- Kết quả các hoạt động chào mừng ngày NGVN:

Tất cả các học sinh các khối lớp đều tham gia tích cực Ngày hội “Sáng tạo STAEM” với các hoạt động:

- + Cuộc thi làm sản phẩm sáng tạo STEM theo khối (tổ KHTN, Toán tin);
- + Talk show hoặc một chủ đề sinh hoạt theo chủ điểm giúp học sinh giỏi Tiếng anh phát huy kỹ năng nói (Tiếng anh)
- + Thi sáng tác Văn học, hoặc thuyết trình, hùng biện (Ngữ Văn – Công Dân).
- + Rung chuông vàng tìm hiểu về Lịch Sử (Sử địa);
- + Thi Vẽ tranh
- + Về tiết học tốt: Các lớp đã đăng kí và thực hiện được tổng cộng là 698 tiết học tốt, trong đó: nhất khối 6 là lớp 6/4, nhất khối 7 là lớp 7/4, nhất khối 8 là lớp 8/4, nhất khối 9 là lớp 9/3, 9/6.

- + Về bông hoa điểm 9, 10: Toàn trường đạt 5567 hoa điểm 9, 10.

- Thi học sinh giỏi cấp trường, kết quả: đạt 39 giải (06 giải Nhất; 11 giải Nhì; 12 giải Ba; 10 giải Khuyến khích).

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả

a) Việc triển khai các hoạt động giáo dục:

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy học:

+ Thực hiện đảm bảo đúng chương trình theo quy định, thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ để trao đổi về việc soạn giảng, học tập chuyên đề, cải tiến phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

+ Việc tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu luôn được quan tâm. Nhờ vậy nhiều năm liền trường luôn duy trì tốt kết quả học sinh thi học sinh giỏi cấp quận và thành phố.

- Việc thực hiện các hoạt động giáo dục:

+ Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (cả 4 khối lớp) theo đúng hướng dẫn. Thực hiện tốt các đợt sinh hoạt chủ điểm với nội dung phong phú.

+ Tổ chức tốt Hội khỏe Phù Đổng cấp trường và luyện tập các đội tuyển dự thi Hội khỏe Phù Đổng cấp quận, thành phố.

b) Tiếp tục đổi mới quản lí nhà trường.

Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lí nhà trường, thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng hồ sơ điện tử; trong đó việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, công tác thi đua khen thưởng, công tác kiểm tra nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và dạy học là trọng tâm.

Thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

Ban giám hiệu đã phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, các ban ngành, đoàn thể địa phương phường Tam Thuận nhằm quan tâm tạo điều kiện động viên học sinh gia đình khó khăn ra lớp. Đặc biệt, nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo địa phương, với công an phường Tam Thuận trong công tác xây dựng trường học an toàn, đảm bảo an ninh trật tự.

c) Công tác xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật:

Thư viện trường đã đạt chuẩn và được công nhận thư viện tiên tiến . Có 06 phòng học bộ môn, trong đó bốn phòng học bộ môn (Tiếng anh, Vật lí, Sinh học, Tiếng Anh và Hóa học) được công nhận đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định. Tất cả đã phát huy tốt trong việc tổ chức dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin và thí nghiệm thực hành cho học sinh.

Tiếp tục chỉnh trang cơ sở vật chất nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Môi trường tự nhiên của trường đã được cải thiện đáng kể, tường rào, cổng ngõ kiên cố, đạt yêu cầu thẩm mỹ.

d) Công tác chuyển đổi số:

- Đảm bảo CSVC, thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy, các phòng học đều có camera, máy chiếu Projecter, Upionter, đèn quạt được bảo trì thường xuyên nên hoạt động tốt.

- Phát triển kho học liệu điện tử theo đường link: <https://rb.gy/fakto>

Đã cập nhật đề kiểm tra giữa kì, cuối kì 1 và kì 2 năm học 2021 – 2022; năm học 2022 – 2023; 2023 -2024 ở tất cả các bộ môn. Riêng đề kiểm tra giữa kì và cuối kì năm học 2023 – 2024 các bộ môn KHTN, Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh đã đưa lên onedrive của PGD & ĐT quận Thanh Khê đầy đủ và đúng thời gian qui định.

- Đã cập nhật úp dữ liệu EMIS cuối năm học 2023-2024 đúng thời gian.
- Thực hiện kí sổ sổ điểm điện tử và hoàn thành đúng thời gian qui định, kí sổ thí điểm học bạ điện tử đúng theo chỉ đạo của cấp trên.
- Cơ bản hoàn thành Hồ sơ điện tử năm học 2023 – 2024 của trường và các bộ phận công tác trên Onedrive của trường.

đ) Công tác phổ cập giáo dục:

Được quận và thành phố kiểm tra công nhận hoàn thành công tác PCGD năm 2023.

Duy trì tốt sĩ số học sinh. Nhiều năm qua không có học sinh bỏ học vì lý do kinh tế.

e) Đã xây dựng được phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

Trường đã xây dựng Kế hoạch thi đua từng năm học và ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của trường.

Đầu năm học đã tổ chức cho 100% CBGVNV đăng kí thi đua. Trong năm đã phát động 04 đợt thi đua với các nội dung phong phú thiết thực phục vụ cho việc dạy và học, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh.

Qua từng đợt thi đua có sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc.

Kết quả:

Tinh thần đoàn kết trong tập thể được phát huy, 100% CBGVNV hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các danh hiệu thi đua luôn được duy trì và phát triển.

3. Thành tích thi đua của đội ngũ

Có 52/52 cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

(đạt tỷ lệ 100%), trong đó:

- Có 51/52 cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" (đạt tỷ lệ 98.08%),
- Có 10 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023-2024
- Có 17 cá nhân được đề nghị công nhận CSTĐ cơ sở
- Có 05 cá nhân được đề nghị chủ tịch UBND quận tặng giấy khen

4. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước

Trường đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc trong đội ngũ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành. Thực hiện tốt công tác dân chủ tại trường học, đảm bảo các nội dung công khai theo quy định.

Nhà trường đã thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà trước, cụ thể như sau:

+ Đóng góp quỹ Vì người nghèo: 15.521.000 đồng

+ Đóng góp quỹ Đèn ơn đáp nghĩa: 15.493.000 đồng

+ Đóng góp quỹ Phòng chống thiên tai: 2.004.541 đồng

+ Quỹ xã hội Công đoàn: 7.760.823 đồng

- Hưởng ứng phong trào hiến máu nhân đạo trong CBGVNV: 06 đơn vị máu.

- Tham gia tốt công tác dân vận; cuộc vận động hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ khắc phục thiên tai. Ủng hộ cho học sinh khó khăn miền núi: Số tiền: 7.524.000đ

Mua 1000 gói tắm trị giá: 5.000.000đ ủng hộ hội người mù Quận Thanh Khê.

Huy động và trao tặng 05 xe đạp cho 05 học sinh nghèo vượt khó trị giá 10 triệu đồng nhân dịp khai giảng năm học mới

Nhân dịp Tết Nguyên đán, huy động và trao tặng 60 phần quà cho học sinh nghèo, tổng trị giá: 24.000.000đ.

Huy động, hỗ trợ học sinh xuất sắc, học sinh nghèo vượt khó, học sinh mồ côi, học sinh bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn trong năm học : 145.000.000 đồng.

Ngoài ra, vận động hỗ trợ, giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn các dụng cụ học tập, hoặc hỗ trợ lâu dài.

5. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

- Chi bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà trường.

- Ban chấp hành Công đoàn đã phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo trường trong việc động viên cán bộ đoàn viên Công đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và tổ chức các hoạt động thăm hỏi, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBGVNV.

- Chi bộ được công nhận chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023 theo QĐ số 141/QĐ-ĐU ngày 22/12/2023 của đảng ủy phường Tam Thuận; Được tặng Giấy khen: Đã có thành tích trong thi đua chuyên đề “Thực hiện chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Chủ tịch UBND quận Thanh Khê.

Giấy khen của đảng bộ phường Tam Thuận cho chi bộ có thành tích tiêu biểu trong công tác tuyên truyền, vận động và tham gia cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ 4 năm 2024 theo quyết định số 170-QĐ/ĐU ngày 21/06/2024.

- Công đoàn: được công đoàn quận công nhận công đoàn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023-2024 theo QĐ Số 75/QĐ-LĐLĐ ngày 08/07/2024 của Liên Đoàn lao động quận Thanh Khê.

- Chi đoàn: được Chi đoàn phường Tam Thuận công nhận Chi đoàn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023 theo Thông báo Số 06-TB/ĐTN ngày 15/12/2023 của Ban chấp hành Đoàn phường Tam Thuận

Chi đoàn được nhận Giải thưởng "Chi đoàn tiên tiến làm theo lời Bác" cấp thành phố năm 2024.

- Liên đội: được Hội đồng đội quận Thanh Khê công nhận: Liên đội xuất sắc năm học 2022-2023 theo Quyết định số 15- QĐ/HDDĐ ngày 15/10/2023 của Hội đồng đội quận Thanh Khê

Trên đây là Báo cáo thương niên, thực hiện công khai năm học 2023-2024 của trường THCS Hoàng Diệu./.

Nơi nhận:

- Toàn thể HĐSP;
- Đăng Website;
- Lưu: VT,HT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hữu Ánh